

BÁO CÁO
Kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2018

Thực hiện Điểm a, Khoản 4, Điều 24, Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 30/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính. Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo kết quả rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2018 như sau:

I. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC

Ngày 22/01/2018 Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 176/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2018. Trong đó UBND tỉnh giao 07 đơn vị thực hiện rà soát, đánh giá TTHC năm 2018. Cụ thể như sau:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rà soát 51 TTHC, thời gian hoàn thành tháng 9 năm 2018.
- Sở Tài nguyên và Môi trường rà soát 93 TTHC, thời gian hoàn thành tháng 9 năm 2018.
- Sở Giao thông vận tải rà soát 11 TTHC, thời gian hoàn thành tháng 9 năm 2018.
- Sở Văn hoá và Thể thao rà soát 17 TTHC, thời gian hoàn thành tháng 9 năm 2018.
- Sở Lao động-Thương binh và Xã hội rà soát 18 TTHC, thời gian hoàn thành tháng 9 năm 2018.
- Sở Giáo dục và Đào tạo rà soát 03 TTHC, thời gian hoàn thành tháng 9 năm 2018.
- Sở Công Thương rà soát 08 TTHC, thời gian hoàn thành tháng 9 năm 2018.

2. Kết quả triển khai thực hiện rà soát, đánh giá TTHC

2.1. Thực hiện điển biểu mẫu rà soát, đánh giá TTHC: 05 đơn vị tiến hành điển biểu rà soát, đánh giá TTHC gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;



Sở Văn hoá và Thể thao; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Công Thương; Sở Lao động-Thương binh và Xã hội. Trong đó:

- 01 đơn vị qua rà soát, đánh giá TTHC đã đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (thực hiện rà soát, đánh giá 68 TTHC, đề nghị sửa đổi, bổ sung 31 TTHC)

- 03 đơn vị qua rà soát, đánh giá TTHC kiến nghị giữ nguyên các TTHC đang thực hiện là: Sở Văn hoá và Thể thao; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Công Thương (không có phương án đơn giản hóa TTHC)

- 01 đơn vị rà soát không đạt yêu cầu do không điền biểu mẫu tính toán chi phí tuân thủ TTHC là Sở Lao động-Thương binh và Xã hội

2.2. Không thực hiện rà soát, đánh giá TTHC: 02 đơn vị không thực hiện rà soát, đánh giá TTHC gồm: Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Giao thông vận tải. Do bộ TTHC ngành Tài nguyên và Môi trường và ngành Giao thông vận tải áp dụng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đang được các đơn vị thống kê, cập nhật trình Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục TTHC theo nội dung các Quyết định công bố TTHC của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Giao thông vận tải vì vậy không thực hiện rà soát, đánh giá trong năm 2018.

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tổng số TTHC đã rà soát 96 TTHC. Trong đó:

- TTHC cấp tỉnh: 93 TTHC.
- TTHC cấp huyện: 03 TTHC.
- TTHC cấp xã: 00 TTHC.

2. Số biểu mẫu rà soát: Tổng số 192 biểu mẫu. Trong đó: 96 biểu mẫu rà soát TTHC, 96 biểu mẫu tính toán chi phí tuân thủ TTHC.

3. Phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính

3.1. Kiến nghị phương án đơn giản hóa đối với những TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của UBND tỉnh

- Không

3.2. Kiến nghị phương án đơn giản hóa đối với những TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của các cơ quan nhà nước ở Trung ương

Số lượng TTHC kiến nghị sửa đổi, bổ sung: 31 TTHC (theo Phụ lục I)

Số lượng TTHC kiến nghị bãi bỏ: 00 TTHC

3.3. Lợi ích phương án đơn giản hóa:

- Tổng chi phí tuân thủ TTHC trước khi đơn giản hóa: 1.485.808.624 đồng/năm.
- Tổng chi phí tuân thủ TTHC sau khi đơn giản hóa: 1.201.663.624 đồng/năm.
- Tổng chi phí tiết kiệm sau khi đơn giản hóa TTHC: 284.145.000 đồng/năm.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí: 19,12 %.

Trên đây là Báo cáo kết quả rà soát, đánh giá TTHC năm 2018 của UBND tỉnh Kiên Giang./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- UBND cấp huyện;
- LDVP, Phòng KSTTHC;
- Lưu VT, phmanh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Thị Minh Phụng

PHỤ LỤC I
DANH SÁCH TTHC KIẾN NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐỐI VỚI NHỮNG TTHC THUỘC THẨM QUYỀN BAN HÀNH CỦA
CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC Ở TRUNG ƯƠNG

(Kèm theo Báo cáo số 370 /BC-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2018
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

STT	Tên TTHC	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
I	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN		
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện, Internet (dịch vụ công trực tuyến); Nhận kết quả trực tiếp hoặc yêu cầu nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính (nếu có nhu cầu). - Sửa đổi: Thời hạn giải quyết 20 ngày làm việc giảm xuống còn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức. Giải quyết TTHC nhanh cho tổ chức, cá nhân giúp rút ngắn thời gian hoàn thành giấy chứng nhận, giảm chi phí chờ đợi. 	Sửa đổi Điều 23 Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về quản lý phân bón.
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện, Internet (dịch vụ công trực tuyến); Nhận kết quả trực tiếp hoặc yêu cầu nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính (nếu có nhu cầu). - Sửa đổi: Thời hạn giải quyết 20 ngày làm việc giảm xuống còn 14 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp giấy chứng nhận hết hạn). - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, 	Sửa đổi Điều 23 Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về quản lý phân bón.



STT	Tên TTHC	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		tổ chức. Giải quyết TTHC nhanh cho tổ chức, cá nhân giúp rút ngắn thời gian hoàn thành giấy chứng nhận, giảm chi phí chờ đợi.	
3	Công nhận nghề truyền thống	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi: Thời hạn giải quyết 30 ngày làm việc giảm xuống còn 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức. Giải quyết TTHC nhanh cho tổ chức, cá nhân giúp rút ngắn thời gian hoàn thành giấy chứng nhận, giảm chi phí chờ đợi. 	Sửa đổi Điểm b, Khoản 4, Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.
4	Công nhận làng nghề	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi: Thời hạn giải quyết 30 ngày làm việc giảm xuống còn 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức. Giải quyết TTHC nhanh cho tổ chức, cá nhân giúp rút ngắn thời gian hoàn thành giấy chứng nhận, giảm chi phí chờ đợi. 	Sửa đổi Điểm b, Khoản 4, Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.
5	Công nhận làng truyền thống	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi: Thời hạn giải quyết 30 ngày làm việc giảm xuống còn 24 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức. Giải quyết TTHC nhanh cho tổ chức, cá nhân giúp rút ngắn thời gian hoàn thành giấy chứng nhận, giảm chi phí chờ đợi. 	Sửa đổi Điểm b, Khoản 4, Điều 6 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, ngày 12/4/2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn.
6	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón và đăng ký hội thảo phân bón.	- Sửa đổi: Giảm thời hạn giải quyết 10 ngày làm việc xuống còn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp xác nhận nội dung quảng cáo	Sửa đổi khoản 4, Điều 35, Nghị định 108/2017/NĐ-CP, ngày 20 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về quản lý phân bón.

STT	Tên TTHC	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		phân bón). - Lý do: giải quyết thủ tục nhanh cho tổ chức, cá nhân giúp rút ngắn thời gian xác nhận quảng cáo, giảm chi phí chờ đợi.	
II LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT			
1	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.	- Sửa đổi: Thời hạn giải quyết 45 ngày làm việc giảm xuống còn 28 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức. Giải quyết TTHC nhanh cho tổ chức, cá nhân giúp rút ngắn thời gian hoàn thành giấy chứng nhận, giảm chi phí chờ đợi.	Sửa đổi Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.
2	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.	- Sửa đổi: Thời hạn giải quyết 30 ngày làm việc giảm xuống còn 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức. Giải quyết TTHC nhanh cho tổ chức, cá nhân giúp rút ngắn thời gian hoàn thành giấy chứng nhận, giảm chi phí chờ đợi.	Sửa đổi Khoản 2, Điều 4 Thông tư số 18/2012/TT-BNNPTNT ngày 26/4/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý sản xuất, kinh doanh giống cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm.
III LĨNH VỰC THÚ Y			
1	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh,	- Bổ sung cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện, Internet (dịch vụ công trực tuyến); Nhận kết quả trực tiếp hoặc yêu cầu nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính (nếu có nhu cầu). - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức.	Bổ sung Điểm a, Khoản 3, Điều 109, Luật Thú y số 79/2015/QH13, ngày 19 tháng 06 năm 2015.

STT	Tên TTHC	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
	chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)		
2	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y).	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện, Internet (dịch vụ công trực tuyến); Nhận kết quả trực tiếp hoặc yêu cầu nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính (nếu có nhu cầu). - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức. 	Bổ sung Điểm a, Khoản 3, Điều 110, Luật Thú y số 79/2015/QH13, ngày 19 tháng 06 năm 2015.
3	Cấp, cấp lại Giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi: Thời hạn giải quyết 15 ngày làm việc giảm xuống còn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Lý do: Giải quyết TTHC nhanh cho tổ chức, cá nhân giúp rút ngắn thời gian hoàn thành giấy chứng nhận, giảm chi phí chờ đợi. 	Sửa đổi Điểm c, Khoản 4, Điều 37, Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y.
4	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi: Thời hạn giải quyết 15 ngày làm việc giảm xuống còn 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức. 	Sửa đổi Điều 32 Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.
5	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Internet (cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3). - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức. 	Sửa đổi Điều 27 Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.
6	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Internet (cổng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3). 	Sửa đổi Điều 27 Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng,

STT	Tên TTHC	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
	nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống)	- Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức.	cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.
7	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.	- Bổ sung cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Internet (công dịch vụ công trực tuyến mức độ 3). - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức.	Sửa đổi Điều 27 Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.
8	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản	- Bổ sung cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Internet (công dịch vụ công trực tuyến mức độ 3). - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức.	Sửa đổi Điều 27 Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.
9	Cấp đổi Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn hoặc thủy sản	- Bổ sung cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Internet (công dịch vụ công trực tuyến mức độ 3). - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức.	Sửa đổi Điều 27 Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.
10	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận.	- Bổ sung cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Internet (công dịch vụ công trực tuyến mức độ 3). - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức.	Sửa đổi Điều 27 Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.
11	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận	- Bổ sung cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Internet (công dịch vụ công trực tuyến mức độ 3). - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức.	Sửa đổi Điều 27 Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.



STT	Tên TTHC	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
		tổ chức.	
12	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có Giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua Internet (công dịch vụ công trực tuyến mức độ 3). - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức. 	Sửa đổi Điều 27 Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT ngày 02/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật.
IV	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI		
1	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành tự do (CFS) đối với giống vật nuôi (bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; Môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi: Thời hạn giải quyết 5 ngày làm việc xuống còn 04 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Lý do: Giải quyết TTHC nhanh cho tổ chức, cá nhân giúp rút ngắn thời gian hoàn thành giấy chứng nhận, giảm chi phí chờ đợi. 	Sửa đổi Điểm b, Khoản 2, Điều 6 Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01/11/2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc quy định Giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
V	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN		
1	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực	- Sửa đổi: Thời hạn giải quyết 10 ngày làm việc giảm xuống còn 08 ngày kể từ	Sửa đổi Khoản 1, Điều 11 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT- BYT-

STT	Tên TTHC	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
	phẩm	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (áp dụng trường hợp đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật trên cạn thuộc thẩm quyền giải quyết của Chi cục Chăn nuôi & Thú y tỉnh Kiên Giang). - Lý do: Giải quyết TTHC nhanh cho tổ chức, cá nhân giúp rút ngắn thời gian hoàn thành giấy chứng nhận, giảm chi phí chờ đợi.	BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương.
2	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản	- Sửa đổi: Thời hạn giải quyết 15 ngày làm việc xuống còn 13 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Lý do: Giải quyết TTHC nhanh cho tổ chức, cá nhân giúp rút ngắn thời gian hoàn thành giấy chứng nhận, giảm chi phí chờ đợi.	Sửa đổi Điểm c, Khoản 4, Điều 18 Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT ngày 03/12/2014 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
VI LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP			
1	Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng giữa 03 loại rừng đối với những khu rừng do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xác lập	- Sửa đổi: Thời hạn giải quyết 10 ngày làm việc giảm xuống còn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Bổ sung: Cách thức thực hiện trực tiếp, qua đường bưu điện, Internet. - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức.	Sửa đổi Điều 7 Quyết định số 49/2016/QĐ-TTg ngày 01/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý rừng sản xuất
2	Cho phép trồng cao su trên đất rừng tự nhiên, rừng trồng bằng vốn ngân sách, vốn viện trợ không hoàn lại đối với tổ chức	- Sửa đổi: Thời hạn giải quyết 10 ngày làm việc giảm xuống còn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Bổ sung: Cách thức thực hiện trực tiếp, qua đường bưu điện hoặc Internet. - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức.	Sửa đổi Điều 9 Thông tư số 25/2011/TT-BNNPTNT ngày 06 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực bảo vệ và phát triển rừng theo Nghị Quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010

STT	Tên TTHC	Nội dung đơn giản hóa	Kiến nghị thực thi
3	Đăng ký khai thác tre nứa trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ là rừng tự nhiên của chủ rừng là tổ chức	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi: Thời hạn giải quyết 10 ngày làm việc giảm xuống còn 07 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Bổ sung: Cách thức thực hiện trực tiếp, qua đường bưu điện, Internet. - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi, bổ sung Điều 6 Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản. - Sửa đổi Điều 1 Thông tư số 17/2017/TT-BNNPTNT ngày 11/9/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 21/2016/TT-BNNPTNT ngày 28/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc quy định về khai thác chính và tận dụng, tận thu lâm sản.
4	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam và Phụ lục II, III của Cites	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung: Cách thức thực hiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện. - Sửa đổi: Thời hạn giải quyết 10 ngày làm việc giảm xuống còn 07 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Lý do: Giải quyết TTHC nhanh cho tổ chức, cá nhân giúp rút ngắn thời gian hoàn thành giấy chứng nhận, giảm chi phí chờ đợi. 	<p>Sửa đổi Điểm b, Khoản 3 Điều 11 và Khoản 2, Điều 12 Nghị định số 82/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 của Chính phủ về quản lý hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, tái xuất khẩu, nhập nội từ biển, quá cảnh, nuôi sinh sản, nuôi sinh trưởng và trồng cây nhân tạo các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm.</p>
5	Cấp Giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung cách thức thực hiện: Nộp hồ sơ trực tiếp, qua đường bưu điện, Internet (dịch vụ công trực tuyến); nhận kết quả trực tiếp hoặc yêu cầu nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính (nếu có nhu cầu). - Lý do: Giảm chi phí và thời gian đi lại cho cá nhân, tổ chức. 	<ul style="list-style-type: none"> - Sửa đổi Điểm a, Điểm b, Khoản 4, Điều 4 Thông tư số 47/2012/TT-BNNPTNT ngày 25/9/2012 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý khai thác từ tự nhiên và nuôi động vật rừng thông thường - Bổ sung Khoản 1, Điều 2 Thông tư số 20/2016/TT-BNNPTNT ngày 27/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ